

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021**

---

**Hải Phòng - Tháng 8 năm 2021**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty đã được soát xét.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000123 lần đầu ngày 27/11/2001. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần thứ chín (09) ngày 08/07/2021.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200443827, sửa đổi lần thứ chín (09) ngày 08/07/2021: 259.870.270.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm chín tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DXP.

Trụ sở chính: Số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Các thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc

### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHCD ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 (Xem chi tiết tại thuyết minh số 5.17). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện kế hoạch phát hành cổ phiếu để trình Hội đồng Quản trị và cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Việt Hùng**

**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Số: 224/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoàn Xá**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoàn Xá, được lập ngày 12/08/2021, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.



---

**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>370.742.310.395</b>	<b>369.333.568.717</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.384.031.205</b>	<b>1.071.370.402</b>
1. Tiền	111		2.384.031.205	1.071.370.402
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>333.200.000.000</b>	<b>339.580.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	333.200.000.000	339.580.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.753.526.070</b>	<b>25.606.645.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.039.945.835	12.702.589.269
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	157.496.475	128.966.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.777.732.855	12.996.739.162
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(221.649.095)	(221.649.095)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.151.912.562</b>	<b>3.037.919.206</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	3.151.912.562	3.037.919.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>252.840.558</b>	<b>37.633.773</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	252.840.558	37.633.773
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>130.381.584.994</b>	<b>114.012.015.025</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.676.031.960</b>	<b>18.969.290.811</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	15.610.309.742	18.880.660.261
<i>Nguyên giá</i>	222		291.026.177.420	290.991.147.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(275.415.867.678)	(272.110.487.159)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	65.722.218	88.630.550
<i>Nguyên giá</i>	228		1.243.840.000	1.243.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.178.117.782)	(1.155.209.450)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>114.015.249.170</b>	<b>94.042.079.670</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	47.305.948.664	47.305.948.664
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	5.929.300.506	5.956.131.006
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	60.780.000.000	40.780.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>690.303.864</b>	<b>1.000.644.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	690.303.864	1.000.644.544
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>501.123.895.389</b>	<b>483.345.583.742</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>18.850.424.448</b>	<b>18.819.792.381</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.850.424.448</b>	<b>18.819.792.381</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.339.913.378	3.490.674.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	441.102.031	749.082.364
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.230.996.785	1.979.759.280
4. Phải trả người lao động	314		1.846.480.828	9.878.589.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.311.821.563	57.559.778
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	667.397.351	950.124.882
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.012.712.512	1.714.002.345
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>482.273.470.941</b>	<b>464.525.791.361</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>482.273.470.941</b>	<b>464.525.791.361</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.870.270.000	259.870.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.870.270.000	259.870.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		191.797.285.602	136.355.992.903
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.253.254.885	66.946.868.004
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.005.575.304	66.946.868.004
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.247.679.581	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>501.123.895.389</b>	<b>483.345.583.742</b>

Người lập



**Hoàng Thị Hương**

Kế toán trưởng



**Mai Thị Yên Thế**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2021



Tổng Giám đốc

**Trần Việt Hùng**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	40.283.855.002	64.566.739.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	10	6.1	40.283.855.002	64.566.739.591
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	22.288.677.070	44.753.707.133
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	20		17.995.177.932	19.813.032.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	14.128.644.063	12.643.311.915
7. Chi phí tài chính	22	6.4	324.296	1.831.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.212.118.825	8.689.056.625
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)</b>	30		23.911.378.874	23.765.456.545
11. Thu nhập khác	31		25.623.466	102.657.283
12. Chi phí khác	32		6.965.324	7.112.082
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40	6.6	18.658.142	95.545.201
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		23.930.037.016	23.861.001.746
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.682.357.436	3.383.692.660
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		19.247.679.580	20.477.309.086
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	741	788
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	455	-

Người lập



**Hoàng Thị Hương**

Kế toán trưởng



**Mai Thị Yên Thế**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



**Trần Việt Hùng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.930.037.016	23.861.001.746
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		3.328.288.851	4.065.597.660
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.128.386.943)	(12.621.694.164)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>13.129.938.924</b>	<b>15.304.905.242</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.179.828.235)	(1.605.481.213)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(113.993.356)	485.045.458
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.948.422.150)	9.286.357.440
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		95.133.895	(82.963.424)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.002.257.142)	(3.699.322.110)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.201.289.832)	(595.520.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.779.282.104</b>	<b>19.093.021.393</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(35.030.000)	(2.184.000.000)
3. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(266.830.000.000)	(304.580.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		253.210.000.000	285.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(11.427.136.599)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		26.830.500	1.835.535.044
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.161.578.199	11.503.533.835
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.466.621.301)</b>	<b>(19.452.067.720)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.312.660.803</b>	<b>(359.046.327)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	1.071.370.402	1.251.078.805
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>2.384.031.205</b>	<b>892.032.478</b>

Người lập



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Mai Thị Yên Thế

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Tổng Giám đốc



Trần Việt Hùng



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000123 lần đầu ngày 27/11/2001. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần thứ chín (09) ngày 08/07/2021.

Vốn Điều lệ: 259.870.270.000 VND. (Bằng chữ: Hai trăm năm chín tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DXP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là: 206 người (tại ngày 31/12/2020 là 219 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cầu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, ...
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải và dịch vụ vận tải; Đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp dịch vụ Xếp dỡ và giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 5.11.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

## **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (ký hiệu "VND").

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt và Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:** Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc và giá trị các khoản dự phòng (nếu có). Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết, góp vốn liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (niên độ kế toán).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCD hữu hình, TSCD vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Trong đó, nhà cửa vật kiến trúc chủ yếu là nhà văn phòng, nhà kho, nhà trực sản xuất ... đã hết khấu hao, được đánh giá lại khi cổ phần hóa và xác định thời gian sử dụng còn lại từ 03-10 năm.

**b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm;
- Các chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố phát sinh một lần quá lớn, Công ty thực hiện phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.
- Chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận nợ vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ xung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

**Doanh thu dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Thuế thu nhập doanh nghiệp và các thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành. Thuế suất thuế TNDN hiện hành Công ty được áp dụng là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hiện chỉ có duy nhất một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ logistic trong phạm vi tỉnh Hải Phòng, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không cần thiết phải trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn các điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt (VND)	456.771.437	188.511.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	1.927.259.768	882.859.379
<b>Tổng</b>	<b>2.384.031.205</b>	<b>1.071.370.402</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	333.200.000.000	333.200.000.000	339.580.000.000	339.580.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng	333.200.000.000	333.200.000.000	339.580.000.000	339.580.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	60.780.000.000	60.780.000.000	40.780.000.000	40.780.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	40.780.000.000	40.780.000.000	40.780.000.000	40.780.000.000
Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán kỹ thương (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>393.980.000.000</b>	<b>393.980.000.000</b>	<b>380.360.000.000</b>	<b>380.360.000.000</b>

(\*): Mua trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương theo Hợp đồng số 01/2021/BSA/TCBS-DOANXA PORT ngày 29/6/2021 và Hợp đồng số 02/2021/BSA/TCBS-DOANXA PORT ngày 30/6/2021. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu. Ngày đáo hạn: 29/6/2026 (60 tháng). Lãi suất cố định 8%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Đại lý & Môi giới VTB Quốc tế	5.959.703.000	4.884.797.638
Công ty cung ứng nhựa đường ADCO	329.437.744	1.586.490.716
Công ty CP TM và XNK vật tư giao thông	1.639.360.173	619.714.186
CN CTCP đại lý hàng hải VN - Đại lý hàng hải HP	1.446.843.097	579.123.116
Công ty TNHH TM Vận tải và DV Hợp Thành	1.279.960.000	581.680.000
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	4.384.641.821	4.450.783.613
<b>Tổng</b>	<b>15.039.945.835</b>	<b>12.702.589.269</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Cty TNHH MTV 128	-	66.000.000
Công ty TNHH TM và DV Dương Minh	119.330.475	-
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	38.166.000	62.966.000
<b>Tổng</b>	<b>157.496.475</b>	<b>128.966.000</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	16.777.732.855	-	12.996.739.162	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	192.473.883	-	339.591.808	-
Phải thu tiền bán chứng khoán	16.324.146.795	-	12.614.200.931	-
Phải thu khác	257.120.000	-	-	-
Phải thu khác	3.992.177	-	42.946.423	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.777.732.855</b>	<b>-</b>	<b>12.996.739.162</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	221.649.095	-	221.649.095	-
<b>Trong đó</b>	<b>Quá hạn trên 6 tháng</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty Cổ phần KAD Việt Nam				33.427.095
Công ty TNHH MTV vận tải Hải Nam				188.222.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>221.649.095</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.779.690.602	-	2.444.082.244	-
Công cụ, dụng cụ	372.221.960	-	593.836.962	-
<b>Tổng</b>	<b>3.151.912.562</b>	-	<b>3.037.919.206</b>	-

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>252.840.558</b>	<b>37.633.773</b>
Chi phí bảo hiểm và chi phí khác chờ phân bổ	252.840.558	37.633.773
<b>b) Dài hạn</b>	<b>690.303.864</b>	<b>1.000.644.544</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	690.303.864	1.000.644.544
<b>Tổng</b>	<b>943.144.422</b>	<b>1.038.278.317</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2021	62.267.035.501	10.187.360.992	216.379.843.450	2.156.907.477	290.991.147.420
Mua trong kỳ	-	-	-	35.030.000	35.030.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2021	62.267.035.501	10.187.360.992	216.379.843.450	2.191.937.477	291.026.177.420
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Tại 01/01/2021	59.080.236.603	9.059.360.867	201.813.982.212	2.156.907.477	272.110.487.159
Khấu hao trong kỳ	513.664.380	368.818.030	2.421.438.529	1.459.580	3.305.380.519
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2021	59.593.900.983	9.428.178.897	204.235.420.741	2.158.367.057	275.415.867.678
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2021	3.186.798.898	1.128.000.125	14.565.861.238	-	18.880.660.261
Tại 30/6/2021	2.673.134.518	759.182.095	12.144.422.709	33.570.420	15.610.309.742
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao đang sử dụng tại 01/01/2021</i>					232.384.874.853
<i>Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao đang sử dụng tại 30/6/2021</i>					235.733.874.853

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại 01/01/2021	1.243.840.000	1.243.840.000
Tại 30/6/2021	1.243.840.000	1.243.840.000
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Tại 01/01/2021	1.155.209.450	1.155.209.450
Khấu hao trong kỳ	22.908.332	22.908.332
Tại 30/6/2021	1.178.117.782	1.178.117.782
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại 01/01/2021	88.630.550	88.630.550
Tại 30/6/2021	65.722.218	65.722.218
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại 30/6/2021</i>		1.159.840.000
<i>Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại 01/01/2021</i>		1.159.840.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

**a) Thông tin về các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Vạn tài hàng công nghệ cao	P1502 tòa nhà Ocean Park số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam; ...	39,0%	39,0%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP)	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải	1,36%	1,36%
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển; dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa ...	3,525%	3,525%

**b) Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại 30/6/2021 (VND)		Tại 01/01/2021 (VND)		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	47.305.948.664	-	47.305.948.664	-	47.305.948.664
Công ty TNHH Vạn tài hàng công nghệ cao {1}	47.305.948.664	-	47.305.948.664	-	47.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.929.300.506	-	5.956.131.006	-	28.781.652.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ {2}	2.929.300.506	-	2.956.131.006	-	25.781.652.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng {3}	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>53.235.249.170</b>	<b>-</b>	<b>78.364.694.664</b>	<b>-</b>	<b>76.087.600.664</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Giao dịch giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

{1}: Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao: 47.305.948.664 đồng, tương ứng với 39% vốn Điều lệ của Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao.

{2}: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đang niêm yết và giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP, vốn Điều lệ của DVP: 400.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu DVP được Công ty CP Cảng Đoạn Xá nắm giữ đến ngày 30/6/2021 là 545.890 cổ phiếu tương ứng với 1,36% vốn Điều lệ của DVP. Giá trị hợp lý khoản đầu tư vào DVP tại ngày 30/6/2021 là 28.058.746.000 đồng được xác định theo số lượng cổ phiếu nắm giữ (545.890 cổ phiếu) nhân với giá đóng cửa cổ phiếu DVP tại ngày 30/6/2021 (51.400 đồng/cổ phiếu).

{3}: Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn Điều lệ. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CN Công ty TNHH VT Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	557.516.178	557.516.178	1.134.271.958	1.134.271.958
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới vận tải biển quốc tế	908.844.878	908.844.878	704.318.959	704.318.959
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu Hải Dương	431.007.600	431.007.600	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư Hải Phòng	297.429.596	297.429.596	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	319.046.961	319.046.961	248.605.231	248.605.231
Công ty TNHH Tuấn Châu	314.041.860	314.041.860	-	-
Các đối tượng khác	512.026.305	512.026.305	1.403.478.266	1.403.478.266
<b>Tổng</b>	<b>3.339.913.378</b>	<b>3.339.913.378</b>	<b>3.490.674.414</b>	<b>3.490.674.414</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Sơn Hà SSP VN	8.944.900	55.239.615
Công ty TNHH Hoàng Vũ	130.749.700	239.999.999
Công ty Đức Giang	117.560.300	-
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	183.847.131	453.842.750
<b>Tổng</b>	<b>441.102.031</b>	<b>749.082.364</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	Số phát sinh trong kỳ			30/6/2021
	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	229.001.589	1.697.967.004	1.077.051.656	849.916.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.745.434.597	4.682.357.436	2.002.257.142	4.425.534.891
Thuế thu nhập cá nhân	5.323.094	283.832.184	232.622.095	56.533.183
Tiền thuê đất	-	2.899.011.774	-	2.899.011.774
Thuế Môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.497.036	4.497.036	-
<b>Tổng</b>	<b>1.979.759.280</b>	<b>9.574.665.434</b>	<b>3.323.427.929</b>	<b>8.230.996.785</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.250.000.000	-
Chi phí điện, nước và chi phí khác	61.821.563	57.559.778
<b>Tổng</b>	<b>2.311.821.563</b>	<b>57.559.778</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	215.103.625	218.327.405
Bảo hiểm y tế	-	212.850
Cố tức phải trả	71.197.000	71.197.000
Phải trả khác	381.096.726	660.387.627
<b>Tổng</b>	<b>667.397.351</b>	<b>950.124.882</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a) Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại 01/01/2020	259.870.270.000	1.352.660.454	95.089.683.341	51.423.592.541	407.736.206.336
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	56.941.292.699	56.941.292.699
Trích lập các quỹ	-	-	41.266.309.562	(41.266.309.562)	-
Giảm khác	-	-	-	(151.707.674)	(151.707.674)
Tại 31/12/2020	259.870.270.000	1.352.660.454	136.355.992.903	66.946.868.004	464.525.791.361
Tại 01/01/2021	259.870.270.000	1.352.660.454	136.355.992.903	66.946.868.004	464.525.791.361
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	19.247.679.580	19.247.679.580
Trích lập các quỹ (*)	-	-	55.441.292.699	(56.941.292.699)	(1.500.000.000)
Tại 30/6/2021	259.870.270.000	1.352.660.454	191.797.285.602	29.253.254.885	482.273.470.941

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, trong đó:

- Chia cổ tức: 0%.
- Quỹ đầu tư phát triển: 55.441.292.699 VND.
- Quỹ khen thưởng: 1.000.000.000 VND.
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 300.000.000 VND.
- Quỹ phúc lợi: 200.000.000 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ông Hoàng Văn Quang	62.700.000.000	62.700.000.000
Công ty CP Tratimex P&L	62.700.000.000	62.700.000.000
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	20.748.500.000	21.400.500.000
Các cổ đông khác	113.721.770.000	113.069.770.000
<b>Tổng</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>259.870.270.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	259.870.270.000	259.870.270.000
- Vốn góp tại ngày đầu năm	-	-
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	259.870.270.000	259.870.270.000
Cổ tức đã chia	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.987.027	25.987.027
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	25.987.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**e) Thông tin về kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHCD ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 như sau:

**e.1) Phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ**

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 15.000.000 cổ phiếu. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 150.000.000.000 VND;
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông. Mã cổ phiếu: DXP;
- Mục đích phát hành: Mua lại các doanh nghiệp cùng ngành nghề và (hoặc) các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị ngành để tăng quy mô và hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Đối tượng chào bán: các cổ đông có tên trong danh sách thực hiện quyền mua cổ phần chào bán thêm (ngày đăng ký cuối cùng: 17/8/2021).
- Thời gian phát hành dự kiến: Quý 3 năm 2021 (sau khi phương án, kế hoạch phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận).

**e.2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)**

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.295.000 cổ phiếu. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 12.950.000.000 VND;
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông. Mã cổ phiếu: DXP;
- Mục đích phát hành: Bổ xung vốn lưu động; Gắn kết lợi ích, mục tiêu đồng hành của cán bộ chủ chốt DXP.
- Đối tượng chào bán: Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt của Công ty.
- Thời gian phát hành dự kiến: Trong năm 2021 (sau khi phương án và kế hoạch phát hành được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, Công ty đang trong giai đoạn lập phương án phát hành cổ phiếu và chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành, lấy ý kiến cổ đông về phương án, kế hoạch tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.283.855.002	64.566.739.591
<b>Tổng</b>	<b>40.283.855.002</b>	<b>64.566.739.591</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.288.677.070	44.753.707.133
<b>Tổng</b>	<b>22.288.677.070</b>	<b>44.753.707.133</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	13.072.019.563	12.170.055.611
Cổ tức, lợi nhuận được chia	826.335.000	-
Lãi bán chứng khoán đầu tư	230.289.500	453.469.756
Chênh lệch tỷ giá	-	19.786.548
<b>Tổng</b>	<b>14.128.644.063</b>	<b>12.643.311.915</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí bán chứng khoán	257.120	1.831.203
Chênh lệch tỷ giá	67.176	-
<b>Tổng</b>	<b>324.296</b>	<b>1.831.203</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.986.864.273	2.512.565.258
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	299.019.950	355.965.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.487.912	455.782.578
Thuế, phí và lệ phí	2.906.011.774	2.998.889.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.564.139	724.272.787
Chi phí khác bằng tiền	997.170.777	1.641.580.808
<b>Tổng</b>	<b>8.212.118.825</b>	<b>8.689.056.625</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>25.623.466</b>	<b>102.657.283</b>
Thu từ tiền phạt, bảo hiểm bồi thường	25.606.000	102.555.000
Thu nhập khác	17.466	102.283
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.965.324</b>	<b>7.112.082</b>
Phạt vi phạm thuế và tiền phạt hành chính	4.497.036	7.111.537
Chi phí khác	2.468.288	545
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>18.658.142</b>	<b>95.545.201</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.930.037.016</b>	<b>23.861.001.746</b>
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(518.249.834)	308.231.537
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	308.085.166	308.231.537
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(826.335.000)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>23.411.787.182</b>	<b>24.169.233.283</b>
Thuế suất (*)	20%	20%*70%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.682.357.436	3.383.692.660
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.682.357.436</b>	<b>3.383.692.660</b>

(\*) Được giảm 30% (20% x 70%) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị quyết số 16/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	19.247.679.580	20.477.309.086
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.247.679.580	20.477.309.086
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.987.027	25.987.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	741	788

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 trước và sau khi trình bày lại (Xem chi tiết tại Thuyết minh 7.3).

**6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	19.247.679.580
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.247.679.580
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.987.027
Số cổ phiếu dự kiến phát hành bổ xung (i)	16.295.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	455

(i): Số cổ phiếu dự kiến phát hành bổ xung (chi tiết tại Thuyết minh số 5.17, mục e) được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong kỳ báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan**

**Bên liên quan của Công ty**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Hoàng Văn Quang Công ty Cổ phần Tratimex P&L Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông lớn Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Cổ đông lớn Công ty liên kết  Chi nhánh của Công ty liên kết

**a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

**Thù lao, Phụ cấp của Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

**Thù lao của Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
		<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	-	-
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Tiền lương và thu nhập khác của Ban Giám đốc, người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	354.000.000	354.025.000
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	347.833.333	365.784.839
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	199.000.000	199.025.000
Bà Mai Thị Yên Thế	Kế toán trưởng, Người công bố thông tin	156.850.000	169.325.000
<b>Tổng</b>		<b>1.057.683.333</b>	<b>1.088.159.839</b>

**b) Giao dịch khác với bên liên quan**

Bên liên quan	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	
	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	
		VND	VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	16.000.000	375.481.200	
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	16.000.000	375.481.200	
Mua hàng hóa dịch vụ	1.050.155.461	2.152.247.187	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.050.155.461	2.152.247.187	

**c) Số dư với bên liên quan**

Tại 30/6/2021 Công ty không còn số dư với công ty liên kết.

**7.2 Công cụ tài chính**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	MS	TM	(Số đã trình bày)	(Trình bày lại)	Thay đổi trước và sau trình bày lại VND
			Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	5.24	4.833.846.655	3.383.692.660	(1.450.153.995)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.027.155.091	20.477.309.086	1.450.153.995
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	732	788	56

Nguyên nhân trình bày lại: Điều chỉnh giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020, dẫn đến các chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp - Mã số 60" và "Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Mã số 70" thay đổi.

Người lập

Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng

Mai Thị Yên Thế

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Trần Việt Hùng